

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không thuộc diện pháp luật chưa cho phép dự tuyển vào đại học.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học trong cả nước.

1.3 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (theo địa điểm, ngành tuyển sinh)

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu: **1.116**, Cụ thể như sau:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	ĐH	7340204	Bảo hiểm	44	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1995
2.	ĐH	7340116	Bất động sản	35	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2022
3.	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	40	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
4.	ĐH	7340301	Kế toán	135	225/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	Bộ GD&ĐT	1961
5.	ĐH	7310101	Kinh tế	60	225/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	Bộ GD&ĐT	1961
6.	ĐH	7310104	Kinh tế đầu tư	20	184/QĐ-ĐHKQTĐ	24/02/2016	ĐHKQTĐ	1994
7.	ĐH	7620115	Kinh tế nông nghiệp	50	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1961
8.	ĐH	7310105	Kinh tế phát triển	50	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	1961
9.	ĐH	7310106	Kinh tế quốc tế	20	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1992
10.	ĐH	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	20	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
11.	ĐH	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	30	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2018
12.	ĐH	7380101	Luật	33	1209/QĐ-BGDĐT	10/03/2004	Bộ GD&ĐT	1995
13.	ĐH	7380107	Luật kinh tế	10	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2016
14.	ĐH	7340115	Marketing	40	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1986
15.	ĐH	7220211	Ngôn ngữ Anh	10	225/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	Bộ GD&ĐT	2022

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
16.	ĐH	7320108	Quan hệ công chúng	13	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
17.	ĐH	7340403	Quản lý công	25	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
18.	ĐH	7850103	Quản lý đất đai	25	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
19.	ĐH	7340409	Quản lý dự án	25	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
20.	ĐH	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	20	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2022
21.	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	20	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1989
22.	ĐH	7810201	Quản trị khách sạn	30	6037/QĐ-BGDĐT-	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2022
23.	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	102	225/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	Bộ GD&ĐT	1961
24.	ĐH	7340201	Tài chính – Ngân hàng	134	225/QĐ-BGDĐT	11/01/2011	Bộ GD&ĐT	1961
25.	ĐH	7310107	Thống kê kinh tế	30	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1965
26.	ĐH	7340122	Thương mại điện tử	35	167/QĐ-ĐHKQTĐ	02/03/2018	ĐHKQTĐ	2018
27.	ĐH	7340302	Kiểm toán	30	40/QĐ-ĐHKQTĐ	10/01/2020	ĐHKQTĐ	2022
28.	ĐH	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	30	493/QĐ-ĐHKQTĐ	30/03/2021	ĐHKQTĐ	2022
			Tổng số	1116				

Chỉ tiêu trên là dự kiến, tùy theo thực tế nhu cầu đào tạo của người học, chỉ tiêu của các ngành có thể thay đổi để đáp ứng nhu cầu của người học.

1.5 Ngưỡng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

1.5.1 Ngưỡng đầu vào của Trường:

Điểm xét tuyển năm cuối bậc THPT 3 môn Toán, Lý, Hóa đạt từ 15 điểm trở lên;

1.5.2 Điều kiện dự tuyển

a) Tính đến thời điểm dự tuyển, có bằng tốt nghiệp THPT;

b) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí đăng ký dự tuyển;

c) Tự nguyện thực hiện đầy đủ nội quy, Quy chế về tuyển sinh và quá trình đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Trường.

1.6 Quy định về điểm xét tuyển

1.6.1 Điểm xét tuyển

Là tổng điểm 3 môn Toán, Lý, Hóa (điểm tổng kết của năm học lớp 12 ghi trên học bạ) đạt 15 điểm trở lên;

1.6.2 Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển: Nếu là thang điểm 4 sẽ quy đổi về thang điểm 10.

Trong từng đợt xét tuyển, điểm xét công nhận trúng tuyển =(các loại điểm xét tuyển khác nhau do thí sinh đăng ký có giá trị như nhau)x3+điểm ưu tiên và được lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.6.3 Quy định về chênh lệch điểm xét tuyển: không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các loại điểm xét tuyển.

1.7 Tổ chức tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký theo thời gian quy định (có thông báo chi tiết của Trường).

1.8 Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

Chính sách ưu tiên theo đối tượng và chính sách ưu tiên theo khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9 Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

1.10 Học phí dự kiến với sinh viên VLVH và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo quy định Trường được thông báo cụ thể từng kỳ học, năm học.

Lộ trình tăng học phí không quá 10% hàng năm và không quá trần theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

1.11 Thời gian xét tuyển trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Xét tuyển đợt 1	Đợt tháng 3, 4 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/12 năm trước đến 30/04)
2	Xét tuyển đợt 2 (nếu có)	Đợt tháng 10, 11 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/05 đến 30/11)

Ngoài các đợt xét tuyển trên tùy theo tình hình hồ sơ thực tế Trường có thể tổ chức các đợt xét tuyển khác trong năm.

1.12 Các nội dung khác

1.12.1 Thí sinh trúng tuyển và nhập học

Thí sinh trúng tuyển được Trường công khai trên cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.

Thí sinh trúng tuyển phải đến nhập học đúng thời gian ghi trên giấy báo nhập học. Quá thời hạn quy định sinh viên không đến nhập học xem như từ chối nhập học.

Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, được nhà trường cấp Thẻ sinh viên và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình ; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

1.12.2 Phương thức tổ chức lớp học:

Lớp ngành đào tạo được tổ chức khi có từ 25 sinh viên được công nhận trúng tuyển đã nhập học trở lên.

Các lớp học được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Các học phần được đào tạo theo 2 phương thức: đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended), trong đó giảng dạy theo phương pháp trực tuyến không quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường

thực hiện theo hướng dẫn của Bộ. Sinh viên sẽ tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu trong chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo được thiết kế là 4 năm.

Thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng chuyên ngành đào tạo.

1.12.3 Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự tuyển, đại học vừa làm vừa học năm 2022

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://www.facebook.com/KhoaDHTC.NEU>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

2. Tuyển sinh liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Vừa làm vừa học: thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo Điểm trung bình chung toàn khoá học Trung cấp x 3.

2.4 Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	ĐH	7340116	Bất động sản	11	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
2	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	10	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
3	ĐH	7340301	Kế toán	65	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1978
4	ĐH	7310104	Kinh tế đầu tư	20	184/QĐ-ĐHKTQD	24/2/2016	ĐHKTQD	1994
5	ĐH	7310105	Kinh tế phát triển	10	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	1990
6	ĐH	7310106	Kinh tế quốc tế	10	1208/QĐ-BGDĐT	13/4/2015	Bộ GD&ĐT	1992
7	ĐH	7380101	Luật	30	1209/QĐ-BGDĐT	10/3/2004	Bộ GD&ĐT	1997
8	ĐH	7380107	Luật kinh tế	10	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
9	ĐH	7340115	Marketing	20	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1989
10	ĐH	7850103	Quản lý đất đai	17	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
11	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
12	ĐH	7810201	Quản trị khách sạn	10	6037/QĐ-BGDĐT-	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
13	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	38	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1997
14	ĐH	7340201	Tài chính – Ngân hàng	66	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	2000
15	ĐH	7310107	Thống kê kinh tế	10	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
16	ĐH	7310101	Kinh tế	25	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1997
			Tổng số	362				

2.5. Ngưỡng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Điểm trung bình chung toàn khoá học Trung cấp đạt từ 5,0 điểm (thang điểm 10) hoặc từ 2,0 điểm (thang điểm 4) trở lên

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

- *Thí sinh trúng tuyển và nhập học:*

Thí sinh trúng tuyển được thông báo trước ngày nhập học 7 ngày, nếu quá thời hạn, không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, nhà trường cấp Thẻ sinh viên, thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

- *Phương thức tổ chức lớp học:*

Tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; thời gian hoàn thành chương trình đào tạo kế hoạch chuẩn là 4 năm. Sinh viên đã có bằng TCCN được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần đã được đào tạo tương đương. Tùy theo số tín chỉ được công nhận, đối với sinh viên đã có bằng TCCN phải học từ 2 đến 3 năm.

Hệ VLVH thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

2.7 Tổ chức tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký theo thời gian quy định (có thông báo chi tiết của Trường).

2.8 Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Chính sách ưu tiên theo đối tượng và chính sách ưu tiên theo khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9 Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

2.10 Học phí dự kiến với sinh viên VLVH và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo quy định Trường được thông báo cụ thể từng kỳ học, năm học.

Lộ trình tăng học phí không quá 10% hàng năm và không quá trần theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

2.11 Thời gian xét tuyển trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Xét tuyển đợt 1	Đợt tháng 3, 4 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/12 năm trước đến 30/04)
2	Xét tuyển đợt 2 (nếu có)	Đợt tháng 10, 11 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/05 đến 30/11)

Ngoài các đợt xét tuyển trên tùy theo tình hình hồ sơ thực tế Trường có thể tổ chức các đợt xét tuyển khác trong năm.

2.12 Các nội dung khác

2.12.1 Thí sinh trúng tuyển và nhập học

Thí sinh trúng tuyển được Trường công khai trên cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.

Thí sinh trúng tuyển phải đến nhập học đúng thời gian ghi trên giấy báo nhập học. Quá thời hạn quy định sinh viên không đến nhập học xem như từ chối nhập học.

Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, được nhà trường cấp Thẻ sinh viên và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình ; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

2.12.2 Phương thức tổ chức lớp học:

Lớp ngành đào tạo được tổ chức khi có từ 25 sinh viên được công nhận trúng tuyển đã nhập học trở lên.

Các lớp học được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Các học phần được đào tạo theo 2 phương thức: đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended), trong đó giảng dạy theo phương pháp trực tuyến không quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ. Sinh viên sẽ tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu trong chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo được thiết kế là 4 năm.

Thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng chuyên ngành đào tạo.

2.12.3 Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự tuyển, đại học vừa làm vừa học năm 2022

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://www.facebook.com/KhoaDHTC.NEU>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

3. Tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong cả nước.

3.3. Phương thức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo Điểm trung bình chung toàn khoá học CD x 3 + 0.5 điểm.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	ĐH	7340116	Bất động sản	10	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
2	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	10	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
3	ĐH	7340301	Kế toán	32	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1978
4	ĐH	7310104	Kinh tế đầu tư	10	184/QĐ-ĐHKQTĐ	24/2/2016	ĐHKQTĐ	1994
5	ĐH	7310105	Kinh tế phát triển	10	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	1990
6	ĐH	7310106	Kinh tế quốc tế	10	1208/QĐ-BGDĐT	13/4/2015	Bộ GD&ĐT	1992
7	ĐH	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	5	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
8	ĐH	7380101	Luật	13	1209/QĐ-BGDĐT	10/3/2004	Bộ GD&ĐT	1997
9	ĐH	7340115	Marketing	10	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1989
10	ĐH	7850103	Quản lý đất đai	18	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
11	ĐH	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	5	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
12	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
13	ĐH	7810201	Quản trị khách sạn	10	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
14	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	19	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1997
15	ĐH	7340201	Tài chính – Ngân hàng	34	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	2000
16	ĐH	7310107	Thống kê kinh tế	10	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
17	ĐH	7310101	Kinh tế	20	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1997
			Tổng số	236				

3.5. Ngưỡng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Điểm trung bình chung toàn khoá học CĐ x 3 + 0.5 điểm.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

- Thí sinh trúng tuyển và nhập học:

Thí sinh trúng tuyển được thông báo trước ngày nhập học 7 ngày, nếu quá thời hạn, không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, nhà trường cấp Thẻ sinh viên, thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

- *Phương thức tổ chức lớp học:*

Tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; thời gian hoàn thành chương trình đào tạo kế hoạch chuẩn là 4 năm. Sinh viên đã có bằng CD được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần đã được đào tạo tương đương. Tùy theo số tín chỉ được công nhận, đối với sinh viên đã có bằng CD chỉ phải học từ 2 đến 3 năm.

Hệ VLVH thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.7 Tổ chức tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký theo thời gian quy định (có thông báo chi tiết của Trường).

3.8 Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

3.9 Học phí dự kiến với sinh viên VLVH và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo quy định Trường được thông báo cụ thể từng kỳ học, năm học.

Lộ trình tăng học phí không quá 10% hàng năm và không quá trần theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

3.10 Thời gian xét tuyển trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Xét tuyển đợt 1	Đợt tháng 3, 4 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/12 năm trước đến 30/04)
2	Xét tuyển đợt 2 (nếu có)	Đợt tháng 10, 11 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/05 đến 30/11)

Ngoài các đợt xét tuyển trên tùy theo tình hình hồ sơ thực tế Trường có thể tổ chức các đợt xét tuyển khác trong năm.

3.11 Các nội dung khác

3.11.1 Thí sinh trúng tuyển và nhập học

Thí sinh trúng tuyển được Trường công khai trên cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.

Thí sinh trúng tuyển phải đến nhập học đúng thời gian ghi trên giấy báo nhập học. Quá thời hạn quy định sinh viên không đến nhập học xem như từ chối nhập học.

Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, được nhà trường cấp Thẻ sinh viên và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình ; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

3.11.2 Phương thức tổ chức lớp học:

Lớp ngành đào tạo được tổ chức khi có từ 25 sinh viên được công nhận trúng tuyển đã nhập học trở lên.

Các lớp học được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Các học phần được đào tạo theo 2 phương thức: đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended), trong đó giảng dạy theo

phương pháp trực tuyến không quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ. Sinh viên sẽ tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu trong chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo được thiết kế là 4 năm. Sinh viên đã có bằng CD và ĐH được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần đã được đào tạo tương đương với các học phần có trong chương trình đào tạo (trừ các học phần thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu, chuyên đề thực tập) của Trường. Tùy theo số tín chỉ được công nhận, sinh viên phải tích lũy các học phần còn thiếu với thời gian dự kiến: đối với sinh viên đã có bằng CD và bằng Đại học từ 2,5 trở lên)

Thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng chuyên ngành đào tạo.

3.11.3 Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự tuyển, đại học vừa làm vừa học năm 2022

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://www.facebook.com/KhoaDHTC.NEU>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

4. Tuyển sinh trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học

4.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong cả nước.

4.3. Phương thức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo Điểm trung bình chung toàn khoá học đại học x 3 + 1 điểm.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	ĐH	7340204	Bảo hiểm	26	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
2	ĐH	7340116	Bất động sản	24	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
3	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	14	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
4	ĐH	7340301	Kế toán	98	998/QĐ-BGDĐT	11/3/2011	BGDĐT	2011
5	ĐH	7310104	Kinh tế đầu tư	20	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
6	ĐH	7620115	Kinh tế nông nghiệp	43	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
7	ĐH	7310105	Kinh tế phát triển	30	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
8	ĐH	7310106	Kinh tế quốc tế	10	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
9	ĐH	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	5	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
10	ĐH	7380101	Luật	27	569/QĐ-ĐHKTQD	23/4/2018	ĐHKTQD	2011
11	ĐH	7380107	Luật kinh tế	10	569/QĐ-ĐHKTQD	23/4/2018	ĐHKTQD	2011
12	ĐH	7340115	Marketing	30	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
13	ĐH	7220221	Ngôn ngữ Anh	34	569/QĐ-ĐHKTQD	23/4/2018	ĐHKTQD	2018
14	ĐH	7850103	Quản lý đất đai	18	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
15	ĐH	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	5	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
16	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
17	ĐH	7810201	Quản trị khách sạn	20	611/QĐ-ĐHKTQD	11/3/2020	ĐHKTQD	2020
18	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	57	998/QĐ-BGDĐT	11/3/2011	BGDĐT	2011
19	ĐH	7340201	Tài chính – Ngân hàng	100	998/QĐ-BGDĐT	11/3/2011	BGDĐT	2011
20	ĐH	7340122	Thương mại điện tử	25	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
21	ĐH	7310101	Kinh tế	45	998/QĐ-BGDĐT	11/3/2011	BGDĐT	2011
22	ĐH	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	33	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
23	ĐH	7320108	Quan hệ công chúng	10	167/QĐ-ĐHKTQD	2/3/2018	ĐHKTQD	2018
			Tổng số	694				

(Chỉ tiêu trên sẽ được điều chỉnh theo thực tế và đảm bảo quy định)

4.5. Ngưỡng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Điểm trung bình chung toàn khoá học Cao đẳng đạt từ 5,0 điểm (thang điểm 10) hoặc từ 2,0 điểm (thang điểm 4) trở lên

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

- Thí sinh trúng tuyển và nhập học:

Thí sinh trúng tuyển được thông báo trước ngày nhập học 7 ngày, nếu quá thời hạn, không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, nhà trường cấp Thẻ sinh viên, thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

- Phương thức tổ chức lớp học:

Tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; thời gian hoàn thành chương trình đào tạo kế hoạch chuẩn là 4 năm. Sinh viên đã có bằng TCCN/CĐ/ĐH được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần đã được đào tạo tương đương. Tùy theo số tín chỉ được công nhận, đối với sinh viên đã có bằng TCCN/CĐ/ĐH chỉ phải học từ 2 đến 3 năm.

Hệ VLVH thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

4.7 Tổ chức tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký theo thời gian quy định (có thông báo chi tiết của Trường).

4.8 Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Trường, nộp ngay khi đăng ký dự tuyển.

4.9 Học phí dự kiến với sinh viên VLVH và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo quy định Trường được thông báo cụ thể từng kỳ học, năm học.

Lộ trình tăng học phí không quá 10% hàng năm và không quá trần theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

4.10 Thời gian xét tuyển trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Xét tuyển đợt 1	Đợt tháng 3, 4 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/12 năm trước đến 30/04)
2	Xét tuyển đợt 2 (nếu có)	Đợt tháng 10, 11 (xét tuyển đối với thí sinh nộp hồ sơ từ 01/05 đến 30/11)

Ngoài các đợt xét tuyển trên tùy theo tình hình hồ sơ thực tế Trường có thể tổ chức các đợt xét tuyển khác trong năm.

4.11 Các nội dung khác

4.11.1 Thí sinh trúng tuyển và nhập học

Thí sinh trúng tuyển được Trường công khai trên cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.

Thí sinh trúng tuyển phải đến nhập học đúng thời gian ghi trên giấy báo nhập học. Quá thời hạn quy định sinh viên không đến nhập học xem như từ chối nhập học.

Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, được nhà trường cấp Thẻ sinh viên và cung cấp thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình; Quy chế, Quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên.

4.11.2 Phương thức tổ chức lớp học:

Lớp ngành đào tạo được tổ chức khi có từ 25 sinh viên được công nhận trúng tuyển đã nhập học trở lên.

Các lớp học được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Các học phần được đào tạo theo 2 phương thức: đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended), trong đó giảng dạy theo phương pháp trực tuyến không quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ. Sinh viên sẽ tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu trong chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo được thiết kế là 4 năm. Sinh viên đã có bằng CĐ và ĐH được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và

các khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần đã được đào tạo tương đương với các học phần có trong chương trình đào tạo (trừ các học phần thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu, chuyên đề thực tập) của Trường. Tùy theo số tín chỉ được công nhận, sinh viên phải tích lũy các học phần còn thiếu với thời gian dự kiến: đối với sinh viên đã có bằng CĐ và bằng Đại học từ 2,5 trở lên)

Thời gian học linh hoạt có thể trong giờ hành chính, ngoài giờ, bán ngoài giờ tùy theo từng địa phương và đặc điểm của từng chuyên ngành đào tạo.

4.11.3 Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự tuyển, đại học vừa làm vừa học năm 2022

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://www.facebook.com/KhoaDHTC.NEU>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG KHOA ĐH TẠI CHỨC



PGS.TS Phạm Quang

Cán bộ kê khai:



ThS Vũ Đăng Luých